



Giới thiệu bài văn chuông chùa Trăm Gian

ISSN: 2734-9195

09:25 27/08/2025

Qua bài văn chuông cho biết Quảng Nghiêm tức chùa trên núi Tiên Lữ, chùa vì có tiếng chuông mà còn mãi đến nay. Quan Đô đốc Đông Lĩnh hầu và bà Nội tần Mậu Chiêu cùng với mọi người thập phương công đức để đúc quả chuông này.

Tác giả: **Nguyễn Huy Khuyến & Vũ Ngọc Định**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

1. Vài nét về chùa Quảng Nghiêm

Chùa Quảng Nghiêm (□□ □) còn gọi là chùa Sở, chùa Tiên Lữ hay chùa Trăm Gian là ngôi chùa được mệnh danh đứng đầu “Tứ đại danh thắng” của Xứ Đoài, cùng chùa Trầm (huyện Chương Mỹ), chùa Thầy (huyện Quốc Oai) và chùa Tây Phương (huyện Thạch Thất).

Đây là một ngôi chùa cổ, theo truyền thuyết được xây dựng năm Trinh Phù thứ 10 (1185), đời vua Cao Tông nhà Lý. Chùa tọa lạc trên đồi Mã cao khoảng 50m, thuộc dãy núi Tiên Lữ(1), thôn Tiên Lữ, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.



Gác chuông chùa Trăm Gian - Ảnh: Minh Khang

Tuy nhiên, trong giai đoạn này quy mô ngôi chùa như thế nào thì không còn tài liệu nào ghi chép lại. Chỉ biết đến thời Trần, theo miêu tả của văn bia Phật tổ di tích bi ký, đây là ngôi chùa “Một gian hai chái, khi ấy có vị trưởng lão trụ trì”.

Các tư liệu lịch sử cho biết, năm 1296, có vị hòa thượng tên là Bình An, đạo hiệu Đức Minh quê ở làng Bối Khê đến tu ở đây, trở thành vị Tổ khai sơn của chùa và được các triều đại phong kiến tôn xưng là Bồ Tát chân nhân (2).

Tương truyền, Tổ là người có nhiều phép lạ. Khi Tổ trở về núi Tiên Lữ xây dựng chùa, bấy giờ chùa mới gác xà, Tổ đi guốc gỗ bước lên xà thượng, đi qua lại nhanh như ngựa phi. Người thợ đều kinh ngạc ngóai nhìn cho là Tổ có phép thần thông, cùng nhau vái lạy. Trong khi xây dựng, dù có đến hơn 100 người thợ nhưng Tổ chỉ nấu một ang cơm nhỏ và nói với thợ rằng: Mọi người sửa soạn nong lớn ra mà đựng cơm, ta về quê lấy tương ăn. Mọi người cho là lời nói đùa, đều không tin. Nhưng quả nhiên Tổ từ chùa núi Tiên Lữ trở về đi qua hai xã Đan Viên, Bảo Đà trong chớp mắt đã về đến chùa Bối Khê (Nay trên bệ đá trước chùa vẫn còn lưu lại dấu chân), mang hai chĩnh cà muối trở về núi, gọi các thợ đến ăn. Bỗng nhiên thấy trên bàn hết thảy đều hóa thành mâm cỗ chay, nhân công ăn mãi không hết.

Cuối thời Trần, vua vì chưa có người nối ngôi đến chùa núi cầu đảo, sinh được một vị hoàng tử, bèn ban sắc chỉ bao phong cho Tổ là: Đại thánh Khai sơn Nghĩa tôn Bình đẳng Hành thiện đại Bồ tát. Từ đó kính lễ hương hỏa càng thêm trọng hậu.

Căn cứ vào sự tích về đức Thánh Bối, ngài năm 15 tuổi (1296) vào chùa tu với vị trưởng lão trên núi Tiên Lữ. Sau khi trưởng lão viên tịch, Thánh Bối quay về trụ trì chùa. Lúc cuối đời Ngài cho xây dựng lại chùa, khi xây dựng xong chùa thì Ngài viên tịch, thọ 95 tuổi, tính ra lúc đó khoảng năm 1376.

Đến cuối đời nhuận Hồ, giặc Minh xâm lược, muốn trấn yểm các đền thiêng nước Nam ta, dựng cờ ở đỉnh núi chùa Ngọc Nhiếp, chùa Hỏa Tĩnh. Nghe nói đỉnh núi Tiên Lữ có vị tiên đã hóa thành tượng Phật, bèn đốt chùa, nhưng riêng tượng Tổ đốt 3 ngày vẫn không bị hư hỏng, không biết lý do vì sao. Thấy một người đến trước nói rằng: Muốn đốt được phải lấy bắc đèn bọc ở bên ngoài, tẩm dầu mà đốt mới có thể được. Người Ngô làm theo y như lời, bỗng nhiên trời đổ cơn mưa máu suốt 3 giờ, cờ giặc đổ ngã, mây mù suốt 3 ngày, giặc Minh bị bệnh dịch chết không kể xiết. Bèn đến xã Bảo Đà đắp đất làm gò để kiểm quân số thấy hao tổn quá nửa, mới bàng hoàng kinh sợ. Tự biết oai linh của thần khó xâm phạm, bấy giờ hối hận trong lòng. Lại thấy Tổ hiện ra nói rằng: Các người muốn bảo toàn sinh mệnh thì phải làm lại tượng khác để hoàn trả, ta sẽ không trách phạt lỗi lầm cũ. Giặc minh lập tức sai người trở về nước làm một pho tượng giống như cũ đem đến chùa Tiên Lữ (Ngày nay pho tượng hãy còn), lại cho trùng tu chùa, bày tiệc tế lễ tại đền, từ đó dần dần được yên ổn.

Về sự kiện này, sách Đại Nam nhất thống chí ghi: “Chùa Quảng Nghiêm ở sơn phận xã Tiên Lữ, huyện Yên Sơn. Trước kia có người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, họ Nguyễn, tên là Bình Yên, trụ trì ở đây, có phép thần thông, biến ít thành nhiều ăn cũng vẫn đủ, lại có thể nhảy lên nóc nhà đi lại như thường. Người đời gọi là Đắc đạo chân nhân. Khi mất, mùi thơm ngào ngạt, người địa phương đặt thấy vào trong tháp để thờ. Vua Trần cho là cầu tự có linh ứng, sắc phong là Từ bi Bồ tát. Khi quân Minh xâm lược, thiêu hủy mất tháp, trời mưa 3 ngày nước đỏ như máu, quân Minh chết không biết bao nhiêu, phải rút về, người địa phương lại dựng tháp mới để thờ. Hằng năm đại hội vào những ngày 4, 5 và 6 tháng Giêng, người đến xem hội rất đông; bản triều phong tặng”(3).

Sau khi nhà Lê sơ khôi phục đất nước, nhân dân theo hình dáng cũ xây dựng lại ngôi chùa mới.

Trải qua thời gian đến đầu thời Lê Trung Hưng, trong văn bia Quảng Nghiêm tự bi ký tác giả Đỗ Tập Nghĩa viết rằng: “Ta từng trải thăm các chùa ở phủ Quốc Oai, đạo Sơn Tây nhưng chưa từng chùa nào rực rỡ bằng chùa trên núi cao huyện Yên Sơn. [...] Tuy nhiên, vì trải qua ngày tháng đã lâu, công trình hư hỏng, nhưng hình bóng nền móng mọi người còn có thể nhìn thấy. Đến năm Đinh Sửu niên hiệu Hoàng Định (1601), chùa tu sửa lại một số công trình như: Thượng điện, Tiền đường, hành lang tả hữu chùa. Đến năm Kỷ Hợi (1603)

tu tạo điện Đà Sơn và các tượng Phật”. Đến năm 1693 niên hiệu Chính Hòa, đời vua Lê Hy Tông cho xây dựng thêm gác chuông và đến năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749) cho đúc chiếc khánh đồng dài 1,20m, cao 0,60m.

Cũng trong giai đoạn này chùa đã cho tạc pho tượng Tuyết Sơn cao 1,63m.

Đến thời Tây Sơn chùa tiếp tục được trùng tu, tôn tạo, xây dựng thêm các công trình mới, trong đó tiêu biểu nhất là đúc quả chuông Quảng Nghiêm cổ tự năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794) và xây dựng Ngự điện tháng 11 năm Giáp Thìn (1784) làm nơi đặt giá ngự đức thánh Bối ngự xem trò múa rối. Từ triều Nguyễn đến nay, chùa nhiều lần được trùng tu tôn tạo nhiều hạng mục.

Chùa Trăm Gian là di tích Phật giáo có lịch sử lâu đời, lưu giữ nhiều cho bao nhiêu người giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc của Phật giáo Việt Nam. Do đó, năm 1962, chùa đã được xếp hạng Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Quốc gia.

2. Giới thiệu bài văn chuông

Hiện quả chuông vẫn được treo trên lầu chuông tại khuôn viên chùa Quảng Nghiêm. Theo các tài liệu cũ còn ghi lại, gác chuông được xây dựng vào Quý Dậu (1693), niên hiệu Chính Hòa đời vua Lê Hy Tông.



Chuông Quảng Nghiêm cổ tự niên đại Cảnh Thịnh nhị niên (1794) -
Ảnh: TG

Trên tầng hai, treo một quả chuông cao 1,10m, đường kính 0,6m được đúc năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794), trên chuông khắc bài minh văn Quảng Nghiêm cổ tự do Tiến sĩ Chế khoa khoa thi năm Đinh Mùi triều Lê, chức Hàn Lâm viện Hiệu thảo, người xã Vân Canh, huyện Từ Liêm là Trần Bá Lãm, tên hiệu Tố Am soạn.

Nguyên văn chữ Hán

□□□□	□□□□□□□□		
□□□□□□□□	□□□□□□□□□□	□□□□□□□□□□	
□□□□□□□□	□□□□□□□□		
□□□□□□□□	□□□□□□□□□□	□□□□□□□□□□	
□ □	□□□□□□□□	□□□□□□□□□□	
□□□□□□□□	□□		
□□□□□□□□	□□□□□□□□□□	□□□□□□	????
□□□□	□□□□□□□□□□	□□□□□□□□□□	

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□

□□□□□□□□

! □

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□

□□

□□□

□□□

□□□

□□□

□□

□□

□□

□□

□□□

□□□

□□□

□□□

□ □□

□ □□

□□ □

□□

□□□

□□□

□□□

□□□

□□□

□□□

□□□

□□□□

□□□□

□ [~]□

□ □□

□□ □

□□□

□□□□

□□□□

□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□
□□□□□

□□□□□□□□□□

□□ □□□□□□□□□□

[□]□□□□□□□□□□

□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□ [□]□□□□□

□□□□ [□]□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□

[□][□] [□]□□□□□□□

□ [□□]□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□ [□]□□□□

□□□□ [□]□□□□□□□□

[□]□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□□□ [□□]□□

□□□□□□□□□□

□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□ ????□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

□□

mới yên ổn, muôn việc chưa được tốt, duy việc đúc chuông này tạo phúc là không khó, bởi tiền tài chẳng so được với sự thành ý hướng thiện của lòng người. Huống chi đối với việc này, cũng là ta cùng vui với người làm việc thiện, nên chẳng quản văn từ thô vụng, bèn nhắc bút viết bài minh, để truyền lâu dài mãi mãi.

Bài minh rằng:

Đạo lớn không hình

Ngụ trong hữu hình

Giáo lớn vô thanh

Ngụ trong hữu thanh

Chuông ấy khuôn ấy

Hỏi ai chế thành

Quan lớn người lành

Góp phúc mà thành

Chất rắn thân nặng

To lớn vang vọng

Như tiếng trống kêu

Như tiếng sáo hót

Như tiếng kinh vang

Dưới khua bụi trần

Trên thấu cao xanh

Nghe chuông đạo khởi

Mê mộng tỉnh nhanh

Âm công dương báo

Đạo trời rành rành

Điều phúc muôn vàn

Chung (đỉnh(8)) thơm danh

Chứa kinh đong kệ(9)

Phú quý khang ninh

Làm thiện gặp lành

Chuông này khắc minh.

Chùa Quảng Nghiêm núi Tiên Lữ, huyện Yên Sơn đức hồng chung, có các vị Hội chủ hưng, Câu đương, Hội thiện cùng với thập phương công đức và quan viên, lão ông, lão bà, thiện nam tín nữ các xã, đều được ghi rõ địa chỉ quê quán, họ tên ở dưới đây.

Gồm:

Dưới đây là quan hưng công: Khâm sai Thống vũ Thắng vệ, Đại Hùng hiệu, Đô đốc Đông Lĩnh hầu Đặng Tiến Giản.

Dưới đây là những người xã Lương Xá, huyện Chương Đức: Nguyên Thị nội Cung tần sắc phong Mậu Chiêu là Đặng Thị Mân, Nguyễn Bá Dật.

Dưới đây là người xã Tiên Lữ: Nguyễn Như Lan, Nguyễn Hữu Tạo, Nguyễn Đình Xứng, Nguyễn Đình Lệ, Nguyễn Tiến Tú.

Nguyễn Đăng Tháo người xã Thổ Ngõa. [...] người thôn [...] xã Phương Tuyền.

Dưới đây là vị Hội chủ: Nguyễn Cao Tri.

Dưới đây là xã Tiên Lữ: Nguyễn Đình Vượng, Nguyễn Đình Tuyên, Nguyễn Hữu Gia, Nguyễn Đăng Thị, Nguyễn Tuấn Ngạn, Vũ Tri Huyền, Nguyễn Tương Giai, Nguyễn Ngọc Đường, Nguyễn Đình Xán, Nguyễn Công Cự.

Dưới đây là xã Phương Tuyền: Nguyễn Đình Vượng, Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Công Quý, Nguyễn Đình Thắng.

Dưới đây là xã Nghĩa Hảo: Thổ Đình Toại, Hoàng Đình Thụy, Trịnh Xuân Vực.

Phạm Gia Huyền người thôn [...], xã Yên Trường, huyện Mỹ Lương. Vũ Thị Lữ người xã Đông Bình, huyện Gia Định.

Dưới đây là tên họ các vị Câu đương: Nguyễn Phú Độ người xã Thổ Ngõa, Đỗ Đình Tân người xã Tiên Lữ.

Dưới đây là tên các vị Hội chủ:

Tri huyện bản huyện là Nghĩa Phái tử Bùi Huy Trí.

Nguyễn Tương Đăng người xã Bách Cốc, huyện Thiên Bản.

Dưới đây là người xã Tiên Lữ: Hà Đắc Hảo, Vũ Danh Thùy, Nguyễn Như Thụ, Nguyễn Hữu Thẩm, Đỗ Đình Quý, Cao Danh Nhạ, Đỗ Đình Côn, Vũ Huy Kiểu, Nguyễn Đình Tiến, Nguyễn Thị Khiển, Nguyễn Duy Cần.

Dưới đây là người xã Thổ Ngõa: Nguyễn Đình Diễn, Nguyễn Trạc Đệ, Nguyễn Hữu Thổ.

Bản huyện Vũ Phân dịch Chưởng cơ Đức Nghĩa hầu Nguyễn Đình Đức và vợ Lê Thị Lượng cúng 11 quan 3 mạch cổ tiền.

Bản huyện Văn Phân tri Tham mưu Lượng Tín hầu Phan Tiến Hi người xã Đào Đăng, huyện Phù Ly cúng 3 quan cổ tiền.

Dân chúng, quan viên, hương lão trên dưới xã Ngọc Phô, huyện Lễ Dương cúng tổng cộng 60 quan cổ tiền.

Các lão bà trong xã gồm: Đỗ Thị [Nhiều], Tống Thị [Diễn], Nguyễn Thị [Quang], Nguyễn Thị [Sánh], Nguyễn Thị [Tĩnh], Nguyễn Thị Úm, Nguyễn Thị Châu quyền góp thập phương được 16 quan cổ tiền.

Các lão bà ở xã Phương Tuyền gồm: Nguyễn Thị [Chỉnh], Nguyễn Thị [Mặc], Lê Thị [Ngõ], [Lê] Thị Chấp, Nguyễn Thị Vị, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Ích, Lê Thị Thái quyền góp thập phương được 10 quan cổ tiền.

Chức Diên phiên bản xã cúng 2 quan cổ tiền. [Chức] đội Nhị thôn Ngoại cúng 1 quan cổ tiền. Hội [Lão] thôn Nội cúng 6 mạch cổ tiền. Hội lão thôn Ngoại cúng

3 mạch cổ tiền. Xã Bối Khê, huyện Thanh Oai cúng 5 quan 2 mạch cổ tiền. Xã Hồng Khê thuộc quý huyện(10) cúng 2 quan cổ tiền.

Quan ở Mộc cục là Nguyễn Duy Tôn người xã Tiên Lữ (do mở giáo đường ở Mộc cục). Quan ở Thiết cục là Nguyễn Công Lực người xã Phương Tuyền.

Dưới đây là các vị thập phương công đức:

Ngô Vi Pháp, Nguyễn Tương Vượng quê xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai cúng 5 quan cổ tiền.

Vũ Huy Thụ người xã Tiên Lữ xã cúng 5 quán cổ tiền.

Dưới đây là người cúng 3 quan cổ tiền:

Tổng Huy Khuê, Nguyễn Di, Vũ Ngọc Côn, Nguyễn Thị Tiệp tên hiệu Hải Lượng người xã Lương Xá, huyện Chương Đức. Tên hiệu Hải Uyển người xã Sơn Lộ. Đặng Duy Tài người xã Cổ Am, huyện Vĩnh Lại. Lê Thị Ba người xóm Vi Văn, huyện Thọ Xương. Nguyễn Quốc Viên.

Dưới đây là người xã Tiên Lữ cúng 2 quan cổ tiền: Đỗ Quốc Thế, Nguyễn Ngọc Hoàn, Nguyễn Thị Doãn, Tống Thị Suất.

Nguyễn Thị Cửu cúng 1 quan 4 mạch cổ tiền.

Vũ Danh Thắng cúng 1 quan 6 mạch cổ tiền

Dưới đây là người cúng 1 quan 2 mạch cổ tiền: Vũ Tuấn Vinh, Lê Quốc Oánh người thôn Hạ Lan xã Bất Lạm. Trương huyện trong huyện Nguyễn Trọng Xiêm.

Nguyễn Thời Tập người thôn Phú An cúng 1 quan cổ tiền.

Dưới đây là người người xã Tiên Lữ: Nguyễn Kiêm Thắng, Nguyễn Quốc Đống Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Như Lập, Nguyễn Như Huệ, Nguyễn Tương Kham, Tống Bá Định, Nguyễn Trọng Huy, Hà Đắc Thùy, Nguyễn Bá Để, Nguyễn Danh Thụ, Đỗ Đình Trọng, Cao Danh Toại, Nguyễn Đình Dự, Đỗ Duy Tích, Nguyễn Địch Vạn, Tống Duy Tâm, Hà Đắc Tố, Nguyễn Thị Úm, Nguyễn Thị Châu, Nguyễn Thị Tịch, Vũ Văn Nghiễm, Lê Nghiên.

Dưới đây là những người xã Cự Giáo, huyện Thanh Oai: Lê Tiến Bằng, Nguyễn Đình Thu.

Dưới đây là những người xã Hương Côn, huyện Từ Liêm: Nguyễn Khắc Khuyển, Trịnh Duy Thuần.

Nguyễn Huy Duẩn người xã Chúc Lý, huyện Chương Đức. Trịnh Nguyễn Toàn người xã Hà Hồi, huyện Thượng Phúc. Nguyễn Vũ Ninh, Nguyễn Hữu Thắng người thôn Ngọc Lao, xã Chúc Lý. Nguyễn Đình Huyền người xã Phù Khang. Đỗ Đình Trạc người phường Bùi Xá. Vương Xuân Cát người xã Nghĩa Hảo.

Dưới đây là người xã Sơn Lộ: Trần Hạnh Trung, Nguyễn Bá Địch, Nguyễn Văn Nhũng.

Đỗ Thi người xã Đắc Sở, huyện Đan Phượng. Cao Thị Nghi người xã Cao Hàm, huyện Thượng Phúc. Tống Văn [Vi] người xã Địa Hoàng.

Dưới đây là người xã Tiên Lữ: Nguyễn Đăng Tiến cúng 9 mạch cổ tiền, Đỗ Bái Tuyền cúng 6 mạch cổ tiền.

Dưới đây là những người cúng 6 mạch cổ tiền: Nguyễn Thị Huống, Nguyễn Như Lai

Dưới đây là những người cúng [...] mạch cổ tiền:

Tống Hữu Bản, Vũ Danh Tuấn, Đỗ Duy Hạnh, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Tuấn Sĩ, Đỗ Duy Thuật, Nguyễn Trự Kiên, Cao Danh Liên, Cao Danh Thuật, Cao Danh Viễn, Nguyễn Hữu Tuấn, Đỗ Quốc Trân, Tống Danh Cơ, Tống Bá Uyên, Tống Bá Thắm, Nguyễn Như Vân, Nguyễn Đình Dương, Đỗ Đình Xán, Nguyễn Đình Xuân, Nguyễn Đình Tân, Tống Duy Bình, Nguyễn Như Thật, Nguyễn Văn Dịch, Dương Đình Chấn, Vũ Ngọc Khảm, Nguyễn Thị Kiên, Nguyễn Thị Phá, Nguyễn Thị Trương, Nguyễn Thị Tôn.

Nguyễn Đình Mục người xã Thuần Lãm, huyện Thanh Oai.

Dưới đây là những người xã Thổ Ngõa: Nguyễn Tiến Tư, Nguyễn Văn Tựu, Lưu Danh Dự.

Nguyễn Đình Thanh người xã Nhân Mỹ, huyện Từ Liêm.

Dưới đây là những người phường Bùi Xá: Nguyễn Đình Thức, Nguyễn Quán Đầu.

Nghiêm Đình Nhưỡng người xã Địa Hoàng.

Dưới đây là những người xã Thanh Nê, huyện Mỹ Lương: Bùi Đắc Tài, Nguyễn Như Hải.

Nguyễn Đăng Đệ người thôn Hạ Lan, xã Bất Lam. Nguyễn Thị Lánh người xã Đông Am, huyện Vĩnh Lại. Đỗ Duy Huống người xã Sơn Lộ.

Dưới đây là những người xã Tiên Lữ cúng 5 mạch cổ tiền: Tống Bá Xiêm, Nguyễn Hữu Đôn, Nguyễn Quý Hằng, Tống Bá Hải, Đỗ Đình Tôn, Nguyễn Thế Mỹ, Nguyễn Văn Hồ, Đỗ Văn Đức, Đỗ Văn Mệnh, Nguyễn Tuấn Ngạn Thượng Phúc huyện Văn Ấn xã, Nguyễn Công Quan.

Dưới đây là người ở xã Phù Khang: Nguyễn Duy Năng, Bùi Đình Nghĩa.

Lê Văn Thiện người xã Khê Than. Đỗ Duy Nhạ người xã Hương Bảng, huyện Đan Phượng.

Dưới đây là người xã Tiên Lữ cúng 4 mạch cổ tiền: Nguyễn Văn Điền, Tống Huy Tác, Nguyễn Thị Mại, Nguyễn Đình Tư.

Nguyễn Đình Kỳ, Bùi Xá Phường, Nguyễn Hữu Diễm người xã Thổ Ngõa.

Dưới đây là người xã Cao Bộ, huyện Mỹ Lương: Hoàng Hữu Danh, Trần Đình Hi, Đỗ Văn Thừa.

Tăng sĩ bản phủ người xã An Kiện cúng 5 quan cổ tiền. Bùi Hữu Trí người thôn Đĩnh Tú, xã Hữu Quang. Bùi Hữu Trạch, Bùi Hữu Trung, Bùi Hữu Bình đồng tộc cúng 30 quan 4 mạch cổ tiền. Hội lão xã Sơn Lộ trong huyện cúng 3 quan cổ tiền. Chợ Bích trong xã cúng 3 quan cổ tiền. Phường Đồ Ninh trong xã cúng 3 quan cổ tiền. Xã An Nội cúng 3 quan cổ tiền. Xã Hoa Bản cúng 3 quan cổ tiền.

Thôn Quan Châm xã Nghĩa Hảo cúng 3 quan cổ tiền. Thôn Đan Đàn trong xã cúng 6 quan cổ tiền. Xã Khê Than cúng 3 quan cổ tiền. Thôn Thượng, xã Long Châu cúng 3 quan 1 cổ tiền. Thôn Phụng Thiên cúng 3 quan 1 cổ tiền. Thôn Độ Chàng xã Tình Lam cúng 3 quan 1 cổ tiền. Thôn Lũng Vị, xã An Kiện cúng 1 quan cổ tiền. Thôn Đồng Lang, xã Khang Kiện cúng 6 mạch cổ tiền. Xã Hoa Cai cúng 1 quan cổ tiền. Xã Yên Trường, huyện Mỹ Lương cúng 2 quan cổ tiền. Thôn Đồng Trữ trong xã cúng 1 quan cổ tiền. Các lão bà trong thôn cúng 8 mạch cổ tiền. Xã Trung Bộ cúng 1 quan cổ tiền. Lão bà ở bản xã và xã Cao Bộ cúng 6 mạch cổ tiền. Các vị Lê Trọng Thự, Nguyễn Đình Diễm, Nguyễn Bá Chinh, Nguyễn Đình Chuyên, Lê Thục Miện, Trịnh Huy Ánh ở xã Y Nhị cúng 3 quan cổ tiền. Xã Đại An Tràng huyện Chương Đức cúng 1 quan cổ tiền. Xã Chúc Lý cúng 1 quan cổ tiền. Lão bà trong xã cúng 6 mạch cổ tiền. Lão bà tín nữ xã Triều Khúc, huyện Thanh Oai cúng 2 quan 3 mạch cổ tiền. Xã Miêu Nha, huyện Từ Liêm cúng 1 quan 6 mạch cổ tiền. Lão bà xã Hương Lan cúng 6 mạch cổ tiền. Xã Tiền Lệ, huyện Đan Phượng cúng 9 mạch cổ tiền. Các vị sĩ ở thôn Thạch, xã Hương Bảng cúng 6 mạch cổ tiền. Lão bà xã Phù Khang xã cúng [...]. Lão bà ở hai xã Phú Hoa và Nghĩa Hảo cúng 9 mạch 30 văn cổ tiền. Người trong xã gồm Lính binh Hà Đắc Thưởng, Nguyễn Văn Tịch, Vũ Khắc Châu, Đỗ Văn Xuy, Nguyễn Đắc Vị cúng 1 quan cổ tiền.

Dưới đây là những người xã Tiên Lữ cúng 3 mạch cổ tiền:

Vũ Huy Ngân, Nguyễn Đình Truân, Nguyễn Văn Tạo, Tống Bá Thanh, Cao Danh Hưởng, Nguyễn Tiến Vinh, Hà Đắc Tú, Vũ Danh Thăng, Nguyễn Hữu Hạnh, Vũ Danh Sĩ, Tống Huy [...], Đỗ Đình Thiêm, Nguyễn Chí Cảnh, Đỗ Thế Sĩ, Nguyễn Trí Mỹ, Nguyễn Văn Mạo, Nguyễn Hữu Vĩnh, Nguyễn Đình Khánh, Nguyễn Đình Khanh, Nguyễn Thị Tích, Vũ Thị Lãnh, Vũ Thị Lỗi, Nguyễn Thị Tâm, Tống Thị Mẫn, Nguyễn Thị Lương, Đỗ Văn Đăng.

Dưới đây là những người xã Thổ Ngõa: Nguyễn Thị Đóc, Vương Văn Bính, Nguyễn Công Trí.

Dưới đây là những người xã Địa Hoàng: Đỗ Văn Sắt, Vương Quốc Trụ.

Lưu Danh Nguyễn người xã Hội Phụ, huyện Đông Ngạn. Nguyễn Quý Thọ người xã Nhân Mỹ, huyện Từ Liêm. Lê Công Nhẫn người xã Thiên Lão, huyện Nhân Mỹ. Đỗ Hữu Thản người xã Thanh Nê trong huyện.

Dưới đây là những người xã Mỹ Hảo: Đỗ Đình Thuật, Nguyễn Tuấn Sáng.

Nguyễn Đình Khanh người xã Long Châu.

Lê Tuấn Trung người xã Thuần Lãm, huyện Thanh Oai.

Nguyễn Khoái Lạp người xã Sơn Lộ.

Lưu Công Tuấn người xã Hợp.

Nguyễn Hữu Tịnh người xã Địa Hoàng.

Ngày tốt tháng mạnh xuân (tháng 1) năm Giáp Dần niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 2 (1794).

Cửu Chế khoa khoa thi năm Đinh Mùi triều Lê, chức Hàn Lâm viện Hiệu thảo, người xã Vân Canh, huyện Từ Liêm là Trần Bá Lãm, tên hiệu Tố Am soạn.

Cửu Trưởng lại người huyện Yên Sơn là Nguyễn Danh Văn vâng viết chữ.

Qua bài văn chuông cho biết Quảng Nghiêm tức chùa trên núi Tiên Lữ, chùa vì có tiếng chuông mà còn mãi đến nay. Quan Đô đốc Đông Lĩnh hầu và bà Nội tần Mậu Chiêu cùng với mọi người thập phương công đức để đúc quả chuông này.

Ngoài ra còn có sự hưng công đóng góp không nhỏ của nhân dân trên địa bàn xã Tiên Lữ Cao Bộ, Thổ Ngõa, Địa Hoàng, Mỹ Hảo. Tên tuổi của họ còn được ghi dấu trên chuông cũng góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ hôm nay và mai sau hiểu và làm nhiều việc thiện, có ích cho xã hội.

Tác giả: **Nguyễn Huy Khuyển & Vũ Ngọc Định**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Chú thích:

(1) Sách Đại Nam nhất thống chí, Q.4, mục Tỉnh Sơn Tây ghi: “Núi Tiên Lữ ở cách huyện Yên Sơn 12 dặm về phía đông nam, tục gọi núi Mã, dưới chân núi có ao thả sen, lại có chùa Quảng Nghiêm”.

(2) *Sách Lịch triều hiến chương loại chí*, Q. Địa dư chí, tr.195 ghi: “Núi Tiên Lữ ở xã Tiên Lữ, huyện Yên Sơn; sầm uất, âm u, trong thờ vị Bồ Tát chân nhân”.

(3) Q.4, mục Tỉnh Sơn Tây, tr.243, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

(4) Nguyên dịch từ chữ 禪 Thượng phương: nghĩa là chùa Phật, chùa núi. Còn là tiếng để gọi vị trụ trì, vì trong chùa trụ trì ở

ngôi cao nhất.

(5) 祝 Chúc Dung: Là ông vua trong truyền thuyết dân gian Trung quốc. Vì vua này đem lửa cho mọi người, nên gọi là Xích đế.

Có thuyết bảo là Hỏa quan đời Đế Khốc, người đời sau tôn làm thần lửa.

(6) Trên quai chuông người ta thường đúc con Bồ lao giống như con rồng. Cái chày đánh chuông bằng gỗ chạm con cá kình. Con Bồ lao ở dưới nước và cũng ở trên khô, Bồ lao thấy cá kình thì nó sợ nó la lên nhảy lên bờ. Cá kình muốn ăn Bồ lao nhưng không lên bờ được. Hai loài này chống đối nhau. Lấy ý nghĩa là này là muốn cho tiếng chuông kêu to, vang xa để tỉnh thức mọi người và cũng để thức tỉnh những cô hồn, âm linh, nghe chuông mà mau niệm Phật để thoát kiếp luân hồi.

(7) Trong Phật giáo, chim phượng biểu thị cho điềm lành và sự hòa hợp.

(8) Nguyên bản chữ bị mờ, chúng tôi tạm hiểu nghĩa là chữ “Đỉnh”. Chung đỉnh hay đỉnh chung chỉ nhà giàu sang phú quý.

(9) Nguyên tạm dịch từ câu “□□□□ Sỉ tạng kỳ thù.

(10) Quý huyện: từ biểu thị tôn xưng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

[1]. Đại Nam nhất thống chí. Bản dịch của Viện Sử học. NXB Thuận Hóa tái bản lần thứ hai năm 2006.

[2]. Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí. Bản dịch của Viện Sử học. NXB Giáo Dục 2007.

[3]. PGS.TS. Phạm Thị Thùy Vinh, Chủ trì tuyển trọn, giới thiệu (2010), Tuyển tập Văn khắc Hán Nôm - Tủ sách Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội, Nxb. Hà Nội.